

Bản án số: 53/2024/HNGĐ-ST
Ngày: 14-5-2024
V/v: Ly hôn, tranh chấp
về nuôi con khi ly hôn.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH THANH HÓA

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Mai Nam Tiến

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Trọng Thúy

Ông Lê Hữu Tới

- Thư ký phiên tòa: Ông Nghiêm Xuân Đạt - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Thanh Hóa.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Thanh Hóa tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Chùy - Kiểm sát viên.

Ngày 14 tháng 5 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Thanh Hóa xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 43/2024/TLST-HNGĐ ngày 18/3/2024 về việc: “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử sơ thẩm số 31/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 22/4/2024 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Anh Vũ Văn N, sinh năm 1983;

Nơi ĐKKHKT: Xóm 8 (nay là thôn T, xã T, huyện N, tỉnh Thanh Hóa.

Nơi ở hiện nay: Đài Loan (Trung Quốc).

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn:

1/ Chị Nguyễn Thị H, sinh năm 1990;

Địa chỉ: thôn T 1, xã V, huyện H, tỉnh Thái Bình.

2/ Anh Đỗ Minh T, sinh năm 1995;

Địa chỉ: khu T, thị trấn M, huyện T, tỉnh Hòa Bình.

(Theo giấy ủy quyền ngày 31/01/2024).

Bị đơn: Chị Trần Thị S, sinh năm 1986;

Địa chỉ: thôn T, xã T, huyện N, tỉnh Thanh Hóa

Tại phiên tòa vắng mặt anh N, chị S (đều có đơn đề nghị xét xử vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Theo đơn khởi kiện, bản tự khai và các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, nguyên đơn là anh Vũ Văn N trình bày:

1. Về hôn nhân: Anh và chị Trần Thị S kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có tổ chức đám cưới theo phong tục địa phương, có đăng ký kết hôn tại UBND xã T, huyện N, tỉnh Thanh Hóa vào năm 2015. Trong quá trình chung sống, vợ chồng chỉ hạnh phúc được thời gian ngắn thì phát sinh mâu thuẫn. Năm 2019, anh xuất cảnh đi Đài Loan theo diện xuất khẩu lao động. Do không có sự gần gũi nên càng về sau thì hai vợ chồng càng mâu thuẫn hơn. Nguyên nhân chủ yếu là do tính cách của hai vợ chồng không hợp, càng ngày càng không thể tìm được tiếng nói chung, càng ngày tình trạng mâu thuẫn xảy ra thường xuyên hơn, ảnh hưởng đến cuộc sống, công việc của cả hai bên. Đến nay, mâu thuẫn của vợ chồng đã trầm trọng, không có cách nào giải quyết. Mặc dù vợ chồng đã nhiều lần nói chuyện để hàn gắn, được hai bên gia đình động viên, khuyên bảo nhưng không có kết quả, điều này ảnh hưởng đến cuộc sống của hai vợ chồng. Nay anh nhận thấy mâu thuẫn đã rất trầm trọng, tình cảm vợ chồng không còn, mục đích của hôn nhân không đạt được nên anh đề nghị Tòa án nhân dân tỉnh Thanh Hóa xem xét giải quyết cho anh được ly hôn với chị Trần Thị S.

2. Về con: Vợ chồng có hai con chung là Vũ Trần Huy K, sinh ngày 22/8/2016 và Vũ Trần Khánh C, sinh ngày 02/11/2018. Hiện nay hai con đang ở cùng với mẹ tại xóm 8, xã T, huyện N. Tuy nhiên, chị S luôn ngăn cấm không cho anh gặp gỡ, nói chuyện qua điện thoại với con. Nay ly hôn anh đề nghị Tòa án giải quyết giao hai con cho anh trực tiếp nuôi dưỡng, trong thời gian anh không ở Việt Nam, anh ủy quyền và đề nghị Tòa án tạm giao hai cháu cho chị gái của anh là chị Vũ Thị N1, sinh năm 1979, hiện cư trú tại xóm T, xã P, huyện N, tỉnh Thanh Hóa thay anh chăm sóc, giáo dục hai cháu cho đến khi anh về Việt Nam. Về cấp dưỡng nuôi con, anh không yêu cầu Tòa án giải quyết.

3. Về tài sản chung và nợ chung: Vợ chồng tự thỏa thuận, nên anh không yêu cầu Tòa án giải quyết.

* Tại bản tự khai ngày 12/4/2024, bị đơn là chị Trần Thị S trình bày:

1. Về hôn nhân: Chị và anh Vũ Văn N có đăng ký kết hôn từ ngày 15/7/2015 tại UBND xã T, huyện N, tỉnh Thanh Hóa trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện. Sau khi kết hôn, vợ chồng chỉ chung sống được một thời gian ngắn thì anh N đi xuất khẩu lao động ở Đài Loan. Trong quá trình chung sống, giữa chị và anh N cũng có những lúc mâu thuẫn nhưng không đến mức quá trầm trọng. Tuy nhiên, sau khi anh N đi xuất khẩu lao động ở Đài Loan thì anh N đã rũ bỏ trách nhiệm, không quan tâm gì đến vợ con. Chị không biết thu nhập của anh N như thế nào nhưng anh N không hề cấp dưỡng nuôi con cũng như gửi tiền về để trả nợ cho gia đình, mọi việc trong gia đình từ khi anh N đi xuất khẩu lao động là do một mình chị lo toan, gánh vác hết. Sau khi anh N đi Đài Loan một thời gian thì chị nghe thông tin anh N có quan hệ ngoài luồng với người phụ nữ khác, kết hợp với việc anh không quan tâm gì đến vợ con nên chị đã chuyển các con về gần nhà bố mẹ để chị đẻ sinh sống. Nay anh N yêu cầu Tòa án giải

quyết ly hôn với chị, quan điểm của chị là tình cảm vợ chồng không còn, mục đích của hôn nhân có thể không đạt được, hiện nay anh N cũng đã có người phụ nữ khác. Tuy nhiên, chị chỉ đồng ý ly hôn với anh N với điều kiện anh N phải để cho chị được tiếp tục nuôi dưỡng các con chung của chị với anh N.

2. Về con chung: Vợ chồng có hai con chung là Vũ Trần Huy K, sinh ngày 22/8/2016 và Vũ Trần Khánh C, sinh ngày 02/11/2018. Hiện nay cả hai con đang ở cùng với chị, nên chị đề nghị Tòa án giải quyết giao cả hai con cho chị trực tiếp nuôi dưỡng và không yêu cầu anh N phải cấp dưỡng nuôi con chung. Chị không đồng ý với yêu cầu của anh N về yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng cả hai con, do hiện nay anh N đang ở nước ngoài, không có điều kiện chăm sóc các con.

3. Về tài sản chung: Chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Do anh N có đơn đề nghị Tòa án không tiến hành hòa giải và giải quyết, xét xử vụ án vắng mặt nên Tòa án không tiến hành hòa giải theo quy định tại khoản 4 Điều 207 Bộ luật tố tụng dân sự.

* Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Thanh Hóa tại phiên tòa:

- Về việc tuân theo pháp luật tố tụng: Thẩm phán, HĐXX, Thư ký Tòa án đã tuân theo đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự (BLTTDS); những người tham gia tố tụng: các đương sự đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định của pháp luật.

- Về nội dung: Căn cứ Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình, đề nghị Hội đồng xét xử (HĐXX) chấp nhận đơn khởi kiện của anh Vũ Văn N, xử cho anh N được ly hôn chị S. Về con chung: giao hai cháu Vũ Trần Huy K, sinh ngày 22/8/2016 và Vũ Trần Khánh C, sinh ngày 02/11/2018 cho chị S trực tiếp nuôi dưỡng, anh N không phải cấp dưỡng nuôi con chung. Về tài sản chung và công nợ chung: không xem xét giải quyết. Về án phí: anh N phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, HĐXX nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

[1.1] Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Anh Vũ Văn N là nguyên đơn có hộ khẩu thường trú tại huyện N, tỉnh Thanh Hóa nhưng hiện nay đang sinh sống và làm việc tại Đài Loan, còn bị đơn là chị Trần Thị S đang cư trú tại xã T, huyện N, tỉnh Thanh Hóa, nên căn cứ vào khoản 1 Điều 28, khoản 3 Điều 35, điểm c khoản 1 Điều 37 BLTTDS, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân tỉnh Thanh Hóa.

[1.2] Về sự vắng mặt của đương sự: Tại phiên tòa, các đương sự đều vắng mặt, đều có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt. Do đó, HĐXX căn cứ vào khoản 1 Điều 228 của BLTTDS, xét xử vắng mặt anh Vũ Văn N và chị Trần Thị S.

[2] Về nội dung:

[2.1] Về hôn nhân: Anh Vũ Văn N và chị Trần Thị S kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại cơ quan Nhà nước có thẩm quyền nên là hôn nhân hợp pháp. Trong quá trình chung sống, vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn, theo anh N trình bày là do tính cách của vợ chồng không hợp, không tìm được tiếng nói chung, càng ngày tình trạng mâu thuẫn càng thường xuyên hơn, ảnh hưởng đến cuộc sống, công việc của cả hai bên. Đến nay, mâu thuẫn của vợ chồng đã trầm trọng, không có cách nào giải quyết. Mặc dù vợ chồng đã nhiều lần nói chuyện để hàn gắn, được hai bên gia đình động viên, khuyên bảo nhưng không có kết quả, điều này ảnh hưởng đến cuộc sống của hai vợ chồng. Còn theo chị S trình bày, mâu thuẫn vợ chồng phát sinh là do sau khi đi xuất khẩu lao động ở Đài Loan thì anh N đã rũ bỏ trách nhiệm, không quan tâm gì đến vợ con, anh N không hề cấp dưỡng nuôi con cũng như gửi tiền về để trả nợ cho gia đình, mọi việc trong gia đình từ khi anh N đi xuất khẩu lao động là do một mình chị lo toan, gánh vác hết. Sau khi anh N đi Đài Loan một thời gian thì chị nghe thông tin anh N có quan hệ ngoài luồng với người phụ nữ khác. Từ những mâu thuẫn trên, chứng tỏ tình cảm vợ chồng không còn, mục đích của hôn nhân không đạt được, anh N đề nghị được ly hôn, chị S cũng nhất trí. Do đó, HĐXX chấp nhận yêu cầu của anh N, cho anh N được ly hôn chị S là phù hợp với quy định của pháp luật.

[2.2] Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung là Vũ Trần Huy K, sinh ngày 22/8/2016 và Vũ Trần Khánh C, sinh ngày 02/11/2018. Khi ly hôn, cả hai bên đều đề nghị được trực tiếp nuôi dưỡng cả hai con và không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con. Xét thấy, hiện nay hai cháu đang ở cùng với chị S, nguyện vọng của cháu K là được ở cùng với mẹ, còn anh N hiện đang ở nước ngoài, không có điều kiện chăm sóc các con, nên HĐXX thấy cần phải giao hai con cho chị S trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp. Về cấp dưỡng nuôi con, do chị S không yêu cầu nên HĐXX không buộc anh N phải cấp dưỡng nuôi con chung theo quy định của pháp luật.

[2.3] Về tài sản và công nợ chung: Hai bên đương sự đều không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên HĐXX không xem xét.

[3] Về án phí: Anh Vũ Văn N là nguyên đơn trong vụ án ly hôn nên phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm, nhưng được trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, khoản 3 Điều 35, khoản 1 Điều 37, khoản 1 Điều 228, khoản 4 Điều 147, Điều 271, khoản 1 Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 51, Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình; điểm a khoản 1 Điều 24, điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án:

1. Về hôn nhân: Chấp nhận đơn khởi kiện của anh Vũ Văn N, cho anh N được ly hôn với chị Trần Thị S.

2. Về con chung: Giao hai cháu Vũ Trần Huy K, sinh ngày 22/8/2016 và Vũ Trần Khánh C, sinh ngày 02/11/2018 cho chị Trần Thị S trực tiếp nuôi dưỡng, anh Vũ Văn N không phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị S. Anh N có quyền qua lại thăm nom con chung, không ai được cản trở.

3. Về án phí: Anh Vũ Văn N phải chịu án phí DSST về việc ly hôn là 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*), nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí DSST đã nộp là 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*) do chị Nguyễn Thị T nộp thay theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0000208 ngày 13/3/2024 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Thanh Hóa, anh N đã nộp đủ án phí DSST.

4. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ theo quy định của pháp luật./.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND tỉnh Thanh Hóa (P9);
- Cục THADS tỉnh Thanh Hóa;
- UBND xã T, huyện N,
tỉnh Thanh Hóa;
- Lưu HSVA, Tòa GD&NCTN.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Mai Nam Tiến

